

Bản án số: 81/2021/DS-PT.

Ngày: 2/8/2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng  
đất lâm ngH*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Thọ, ông Đặng Văn Quyết.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:*** Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 2/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLPT- DS ngày 05/5/2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm ngH*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2021/QĐ-PT ngày 28/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐ-PT ngày 10/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2021/QĐ-PT ngày 24/7/2021 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Vũ Văn M, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng Vùng, xã Yên Sơn, huyện LN, tỉnh B.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Vũ Văn K, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Hải – Văn phòng Luật sư Hải và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

*2. Bị đơn:* Hoàng Văn Q, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng Công, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh B.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Ngụy Thị C, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng Vũng, xã Yên Sơn, huyện LN, tỉnh B

- Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Nội Đình, xã Yên Sơn, huyện LN, tỉnh B

- Anh Vũ Văn N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B.

- Anh Vũ Văn K, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B.

- Chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đồng Vũng, xã Yên Sơn, huyện LN, tỉnh B.

*Đại diện ủy quyền của bà C, chị Q, anh N, chị Đ theo Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020:* Anh Vũ Văn K, sinh năm: 1976 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt)

- Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đồng Công, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh B.

- Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bến 3, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B.

*Đại diện ủy quyền của bà Đ, chị D theo Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2020:* Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1955 (có mặt).

- Anh Hoàng Văn K, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đồng Công, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh B.

- UBND xã Cẩm Lý, do ông Nguyễn Văn Thạch – Chủ tịch UBND đại diện theo pháp luật (vắng mặt)

- UBND huyện LN, do ông Nguyễn Văn Q – chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LN đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020 (vắng mặt)

*4. Người làm chứng:*

Ông Đặng Hồng C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Ông Dương Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B.

\* Người kháng cáo: Bị đơn - ông Hoàng Văn Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn là ông Vũ Văn M do anh Vũ Văn K đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Năm 1989, ông M vào khu vực Suối Rêu, xã Cẩm Lý, huyện LN khai hoang làm nương rẫy, diện tích khai hoang khoảng 4ha, chủ yếu trồng sắn. Năm 1992 ông trồng

Bạch Đàn, năm 1995 thì ông trồng rừng theo dự án 327.

Năm 1997, Nhà nước thực hiện Cnh sách giao đất Lâm ngH theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Cnh phủ cho các hộ dân đã trồng cây và đang sử dụng đất ổn định để trồng rừng sản xuất. Gia đình ông được Nhà nước giao diện tích đất trên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm ngH (sổ xanh) với diện tích 4ha, thuộc lô số 4, 3, khoảnh 3 + 2 khu vực Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B. Đến năm 2003, gia đình ông được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), số vào sổ cấp GCNQSDĐ là 00083/QSDĐ/2891/QĐ-CT-H ngày 22/12/2003, diện tích 38.000m<sup>2</sup>(3,8ha). Thửa đất này có phía N tiếp giáp với đất hộ ông Hoàng Văn Q, ranh giới là một khe rông hiện nay vẫn tồn tại. Gia đình ông và gia đình ông Q sử dụng đất ổn định từ năm từ năm 1997 đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp, ông Q đã sang cắm mốc, đánh rạch sang phần đất của gia đình ông đang trồng cây. UBND xã Cẩm Lý đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Kết quả đo đạc thực tế hiện nay: diện tích thửa đất gia đình ông đang quản lý, sử dụng có diện tích 41.409,7m<sup>2</sup> - tăng thêm 3.409.7m<sup>2</sup> so với giấy chứng quyền sử dụng đất cấp năm 2003; diện tích mà gia đình ông và gia đình ông Q đang có tranh chấp là 5781,5m<sup>2</sup>. Từ khi được giao đất, gia đình ông không nhận chuyển nhượng hay khai hoang thêm, sử dụng đúng diện tích được giao nên việc tăng diện tích là do sai số do đo đạc vì khi cấp GCNQSDĐ chỉ đo đạc bằng phương pháp thủ công.

Ông Q cho rằng diện tích đất hai bên đang có tranh chấp của gia đình mình là không đúng vì diện tích đất này gia đình ông đã sử dụng trồng cây Bạch Đàn, Keo từ năm 1992 và đã thu hoạch nhiều vụ. Diện tích đất tranh chấp này nằm trong phần đất gia đình ông được Nhà nước giao vào năm 1997 theo Nghị định số 02 của Cnh phủ và nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông được cấp năm 2003

Theo đơn khởi kiện ban đầu và những lời khai tiếp theo ông đề nghị Toà án buộc ông Q phải trả lại diện tích đất tranh chấp trên nhưng do diện tích đất này gia đình ông vẫn đang quản lý, sử dụng nên tại phiên toà sơ thẩm ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án công nhận vợ chồng ông được quyền sử dụng đối với diện tích đất 5781,5m<sup>2</sup> tại khu Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B.

Về tài sản trên đất tranh chấp: Ông trồng cây 925 cây Keo, Bạch Đàn có đường kính từ 10 - 13 cm/1 cây và theo quy chuẩn trồng rừng thì mật độ 1ha/1600 cây, trị giá là 118.000đồng/1 cây, tổng trị giá 109.150.000đồng. Trong trường hợp Toà án xác định đất tranh chấp thuộc gia đình ông Q thì ông yêu cầu ông Q phải trả tiền cây theo

kết quả định giá cho gia đình ông. Việc ông Q đánh rạch sang đất của gia đình ông thì ông không có yêu cầu bồi T gì.

***Bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày:***

Ông xác định vào năm 2017 ông có phạt đường băng, cắm mốc, đánh rạch sang đất hiện nay gia đình ông Vũ Văn M đang sử dụng như ông M trình bày. Ông xác định diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông và ông M là 5781,5 m<sup>2</sup> tại khu vực Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN theo sơ đồ đo đạc ngày 10/11/2020. Phần diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông. Khoảng tháng 10/1989, ông nhận chuyển nhượng lại từ ông Lê Thanh Ngát khoảng 4ha đất rừng để trồng cây vải và bạch đàn. Năm 1994, Lâm trường LN có giao đất cho gia đình ông để liên doanh sản xuất nghề rừng. Ông được giao giống Keo để trồng trên diện tích đất này. Năm 1997, gia đình ông có được UBND xã Cẩm Lý thông báo ra làm thủ tục nhận đất theo Nghị định 02/CP của Cnh phủ. Ông không ra nhận vì cán bộ xã nói khi nhận đất phải nộp 220.000đ/1ha trong khi ông đã được Lâm trường LN ký hợp đồng liên doanh sản xuất trồng rừng thời hạn 50 năm. Năm 1997, gia đình ông M đã ra chặt phá cây trên diện tích đất tranh chấp hiện nay của gia đình ông để sử dụng. Ông có làm đơn lên Công an huyện LN, UBND huyện đề nghị giải quyết nhưng không có kết quả. Từ năm 1997, gia đình ông không trồng cây trên diện tích đất tranh chấp này nữa mà do gia đình ông M sử dụng.

Năm 2003, ông có làm thủ tục đề nghị cấp “sổ đỏ” nhưng không hiểu tại sao UBND xã Cẩm Lý và UBND huyện LN chỉ cấp cho gia đình ông sử dụng diện tích 3,5ha. Ông đã làm đơn khiếu nại, tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 04/3/2009, UBND huyện LN giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

Ông xác định diện tích đất 5781,5 m<sup>2</sup> tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông, căn cứ hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng năm 1994 với Lâm trường LN và sơ đồ trồng rừng kèm theo hợp đồng. Phần diện tích đất tranh chấp cũng nằm trong diện tích đất mà gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ năm 2003. Ông xác định toàn bộ tài sản trên đất là của ông M. Ông không có ý kiến gì về kết quả định giá ngày 10/11/2020; không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông M.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyện Thị C, chị Vũ Thị Q, anh Vũ Văn N, anh Vũ Văn K, chị Vũ Thị Đ, anh Vũ Văn K (là vợ và con của ông Vũ Văn M) đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện và quan Đ trên của ông M, xác định diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng và quản lý của ông M và bà C, các con không liên quan gì.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị Đ, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị D, anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn H (vợ và con của ông Hoàng Văn Q) đều thống nhất quan Đ trình bày trên của ông Q.

***UBND xã Cẩm Lý do ông Nguyễn Văn Thạch đại diện trình bày:***

Vào năm 1997, địa phương thực hiện Cnh sách giao đất lâm ngH theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Cnh phủ cho các hộ dân trên cơ sở nguồn quỹ đất lâm ngH tại địa phương và căn cứ hiện trạng đang sử dụng của các hộ. Năm 1997, gia đình ông Vũ Văn M được giao lô số 03, 04, khu Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, LN, B với diện tích là 4ha và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm ngH (sổ xanh), mục đích trồng rừng sản xuất. Nguồn gốc diện tích đất này gia đình ông M sử dụng từ khoảng những năm 1989 để trồng rừng theo dự án liên doanh. Năm 2003 gia đình ông M được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), diện tích sử dụng là 3,8ha.

Đất của gia đình ông M có một phần giáp ranh với đất của gia đình ông Q. Ông Q cũng sử dụng diện tích đất cùng thời Đ với gia đình ông M nhưng năm 1997 gia đình ông Q không nhận đất theo Nghị định 02/CP. Đến năm 2003 gia đình ông Q được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 3,5ha đất lâm ngH. Năm 2017, hai gia đình xảy ra tranh chấp, UBND xã Cẩm Lý đã hoà giải nhưng không thành.

Việc giao đất năm 1997 cho các hộ có sơ đồ giao đất nhưng theo phương pháp đo thủ công. Năm 2010, xã Cẩm Lý thực hiện việc đo đạc, số hoá các thửa đất đã giao, hiện trạng các hộ dân sử dụng đất ổn định để lập bản đồ địa Cnh. Theo kết quả đo đạc hiện nay diện tích của hai bộ có sự có việc tăng, giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông M, ông Q đã được cấp là do sai số về đo đạc. Các hộ vẫn sử dụng đúng ranh giới và không có biến động về đất như nhận chuyển nhượng hay chuyển nhượng cho ai từ năm 2003 cho đến nay. Việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch ở địa phương. Đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo thực tế để giải quyết vụ án.

***UBND huyện LN do ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày:***

UBND huyện LN thống nhất quan Đ trình bày trên của UBND xã Cẩm Lý. Trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất hộ ông Vũ Văn M và hộ ông Hoàng Văn Q năm 2003 đảm bảo theo quy định của pháp luật. Về diện tích 02 hộ đang tranh chấp là đất rừng trồng sản xuất (RTS), có nguồn gốc được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, phù hợp quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Tại thời Đ năm 2003, xã Cẩm Lý chưa có bản đồ địa Cnh. Khi cấp GCNQSD đất rừng cho các hộ tại thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý không thực hiện đo đạc lại bằng máy mà trên cơ sở bản đồ giao đất năm 1997 đo đạc bằng phương pháp thủ công. Do vậy, kết quả đo đạc diện tích đất thực tế của hai hộ có sự khác biệt về hình thể và diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai hộ được cấp năm 2003; đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo thực tế để giải quyết vụ án.

Nếu trước năm 1997, hộ ông Q có sử dụng diện tích đất tranh chấp thì vẫn chưa được UBND huyện LN giao đất và công nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 690 Bộ luật Dân sự 1995. Công ty Lâm Trường không có thẩm quyền giao đất theo quy định pháp luật.

***Người làm chứng ông Đặng Hồng C:***

Ông là thành viên trong tổ giao đất vào năm 1997 theo Nghị định 02/CP. Vào năm 1997 chỉ có gia đình ông M ra nhận đất theo Nghị định 02/CP còn gia đình ông Q không nhận đất. Ông xác định lời khai của ông M là đúng và xác định vào năm 1997 gia đình ông M được giao diện tích đất lâm ngH diện tích 04ha, khi giao đất có xác định rõ ranh giới, mốc giới theo khe, rông là những Đ cố định đến nay vẫn tồn tại. So với mốc giới giao đất năm 1997 gia đình ông M sử dụng đúng phần đất được giao.

***Người làm chứng ông Dương Văn T trình bày:***

Ông là người dân gốc sống ở thôn Giáp Sơn từ trước khi ông M và ông Q đến thôn Giáp Sơn khai hoang, trồng rừng, đồng thời trước đây ông trong đội bảo vệ rừng do bên Kiểm lâm thuê nên ông rất nắm rõ địa hình rừng tại thôn Cẩm Lý, Giáp Sơn. Hiện nay diện tích đất ông M đang sử dụng là sử dụng từ trước những năm 1997 cho đến nay và đúng theo vị trí giao rừng năm 1997.

***Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2021 ông Nguyễn Minh Hải, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm LN cung cấp:***

Đối với lô đất hai hộ ông M và ông Q sử dụng tại thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý là đất lâm ngH, giao cho các hộ dân sử dụng và mục đích sản xuất, kinh doanh lâm sản bằng vốn tự có của các hộ dân không phải rừng tự nhiên nên không thuộc quyền quản lý về rừng của Hạt kiểm lâm. Việc khai thác phụ thuộc vào các hộ tự trồng. Chu kỳ đối với bạch đàn, keo trên địa bàn LN từ khoảng 5-6 năm tuy nhiên chỉ mang tính chất tương đối còn phụ thuộc vào khâu chăm sóc cụ thể.

***Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2021 ông Nguyễn Văn Kiêm, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm ngH LN (trước là Lâm trường LN) cung cấp:***

Năm 1994, Lâm trường LN (nay là Công ty lâm nghiệp LN) có ký hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng với hộ ông Hoàng Văn Q tại khu Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, LN, B với mục đích để thực hiện dự án trồng rừng của Chính phủ. Lâm trường chỉ liên kết với các hộ gia đình để trồng cây không phải giao đất cho các hộ vì Lâm trường không có thẩm quyền giao đất. Sau đó Lâm trường theo Chính sách của Nhà nước đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp cho UBND xã Cẩm Lý quản lý, nay không liên quan gì tới các diện tích đất lâm nghiệp tại xã Cẩm Lý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

\*Ngày 10/11/2020, Tòa án nhân dân huyện LN tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với diện tích đất tranh chấp. Kết quả xác định diện tích đất tranh chấp là 5781,5m<sup>2</sup>. Trên diện tích đất tranh chấp có 925 cây Keo, Bạch đàn có giá 118.000đ/1 cây = 109.105.000đồng. Trị giá quyền sử dụng đất có giá 10.000đồng/1m<sup>2</sup>. Kết quả thẩm định có sơ đồ kèm theo (BL 140). Đối với thửa đất nhà ông M và nhà ông Q đều có ranh giới cố định, là 1 khe sâu có từ năm 1997

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN đã quyết định:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.**

- Xác nhận diện tích đất 5781,5 m<sup>2</sup> thuộc lô 4, 3, khoảnh 3 + 2 khu vực Suối Rêu, xã Cẩm Lý, LN, B có hình đa giác các đỉnh từ 23; 24; 41; 42 (có sơ đồ kèm theo) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị C.

**2. Về chi phí tố tụng:** Ông Hoàng Văn Q phải trả cho ông Vũ Văn M số tiền 14.727.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

**3. Về án phí:** Miễn án phí dân sự cho ông Hoàng Văn Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 8/4/2021, ông Hoàng Văn Q nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan Đ đã trình bày ở cấp sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị đơn trình bày: Gia đình ông sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1989 đến năm 1994 thì được Lâm trường LN giao cho 4ha để trồng rừng. Gia đình ông đã sử dụng ổn định, liên tục đến năm 1997 thì UBND xã lại yêu cầu ra nhận đất và nộp tiền nộp 220.000đ/1ha. Theo quy định của Nghị định 184 của Hội đồng bộ trưởng ngày 6/11/1982 thì diện tích đất rừng đã được giao cho gia đình ông không thuộc đối tượng giao đất theo Nghị định 02 của Cnh phủ. Việc Nhà nước lấy đất mà gia đình đã được Lâm trường LN giao , đã trồng cây để giao cho người khác là trái pháp luật. Sau khi được UBND xã Cẩm Lý giao cho phần đất của gia đình ông, anh K là con trai ông M đã chặt phá cây trồng của gia đình ông và đánh ông phải nhập viện. Ông liên tục đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét nhưng không được giải quyết. Đến năm 2003 thì gia đình ông được cấp GCNQSDĐ, diện tích đất tranh chấp cũng thuộc phần diện tích đất gia đình ông được cấp GCNQSDĐ. Ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Hoàng Văn T nhất trí với quan Đ của ông Hoàng Văn Q.

Người làm chứng – ông Dương Văn T giữ nguyên lời khai đã trình bày.

#### **Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan Đ:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Q: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Q do là người cao tuổi.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ ba. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn Q:

[2.1] Về nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất: Hộ gia đình ông Vũ Văn M và ông Hoàng Văn Q đều sử dụng đất Lâm ngH tại khu vực suối Rêu, xã Cẩm Lý, huyện LN khoảng từ trước năm 1994. Năm 1994, các hộ dân có ký “Hợp đồng liên



doanh sản xuất nghề rừng” với Lâm trường LN; trong đó gia đình ông Q ký hợp đồng với tổng diện tích 4ha. Năm 1997, Nhà nước thực hiện Cnh sách giao đất lâm ngH theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Cnh phủ cho các hộ dân trên cơ sở nguồn quỹ đất lâm ngH tại địa phương, căn cứ vào hiện trạng đang sử dụng của các hộ dân trên địa bàn xã Cẩm Lý. Gia đình ông Vũ Văn M được giao lô số 03, 04, khu Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, LN, B với diện tích là 4ha và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm ngH (sổ xanh). Trong khi đó, hộ gia đình ông Q không nhận đất. Ngày 22/12/2003, gia đình ông M được UBND huyện LN cấp GCNQSDĐ (sổ đỏ), số vào sổ 00083/QSDĐ/2891/QĐ-CT-H, diện tích 38.000m<sup>2</sup> (3,8ha) tại thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B; hộ gia đình ông Q được cấp GCNQSDĐ số AA 069172 theo Quyết định số 2891/QĐ-UBND, diện tích 35.000m<sup>2</sup> (3,5ha) tại thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh B. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông Q có nhiều đơn thư, khiếu nại về việc không được cấp GCNQSDĐ đúng với diện tích được Lâm trường LN giao khoán. Tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 4/3/2009, Chủ tịch UBND huyện LN đã giữ nguyên GCNQSDĐ cấp cho gia đình ông Q với lý do: ông Q tự bao chiếm và tự kê khai để hợp đồng sản xuất liên doanh sản xuất nghề rừng với Lâm trường LN, không đo đạc thực địa nên số liệu ghi trong hai sổ hợp đồng là không Cnh xác.

Gia đình ông M sử dụng liên tục diện tích đất lâm ngH (trong đó có phần đất tranh chấp) tại khu Suối Rêu, thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, LN từ năm 1997 đến nay. Ranh giới giữa đất rừng của hộ ông M với đất rừng hộ ông Q và các hộ khác là khe sâu có từ năm 1997, trước khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho các hộ gia đình và đến nay vẫn tồn tại.

Theo Kết quả đo vẽ của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Thành Đạt (BL 1401) thì diện tích và hình thể thực tế thửa đất nhà ông M, ông Q đang sử dụng không đồng nhất với số diện tích và hình thể thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hai hộ đã được cấp. Tại thời Đ năm 2003, xã Cẩm lý chưa có bản đồ địa Cnh, khi cấp GCNQSD đất rừng cho các hộ tại thôn Giáp Sơn, UBND huyện LN không thực hiện đo đạc bằng máy mà trên cơ sở bản đồ giao đất năm 1997 - bản đồ đo đạc bằng phương pháp thủ công nên đủ cơ sở xác định việc chênh lệch về diện tích và hình thể giữa GNCQSDD và thực tế là do sai số về đo đạc. Cần căn cứ ranh giới, mốc giới mà các hộ đã sử dụng liên tục từ năm 1997 đến nay và kết quả đo vẽ thực tế để giải quyết tranh chấp.

Ông Hoàng Văn Q cho rằng diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông, đã được Lâm trường LN giao cho sử dụng từ năm 1994 nên Nhà nước không có quyền

giao cho người khác. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Đ b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 17-HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng bộ trưởng về thi hành luật bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993 đều xác định thẩm quyền giao đất lâm ngH cho các hộ gia đình là của UBND cấp huyện; Lâm trường LN không có thẩm quyền giao đất nên căn cứ ông Q đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những đánh giá trên, dù cơ sở xác định toàn bộ thửa đất lâm ngH có diện tích 41.409,7m<sup>2</sup> đất lâm ngH (trong đó có 5781,5 m<sup>2</sup> diện tích đất tranh chấp) tại khu vực Suối Rêu, xã Cẩm Lý, huyện LN như kết quả đo vẽ thực tế thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Vũ Văn M và bà Ngụ Thị C, đã được UBND huyện LN cấp GCNQSDĐ có số vào sổ cấp GCNQSDĐ là 00083/QSDĐ/2891/QĐ-CT-H ngày 22/12/2003. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ theo Điều 5, Điều 100, Điều 135 Luật Đất đai năm 2013, Điều 73 Luật Lâm ngH năm 2017. Tại cấp phúc thẩm, ông Q không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của ông Hoàng Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Căn cứ Điều 5; Điều 100; Điều 135 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; khoản 3 Điều 11 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Đ b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 17-HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng bộ trưởng về thi hành luật bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Điều 5, Điều 73 Luật lâm ngH năm 2017; khoản 9 Điều 26, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đ đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.**

- Xác nhận diện tích đất 5781,5 m<sup>2</sup> thuộc lô 4, 3, khoảnh 3 + 2 khu vực Suối Rêu, xã Cẩm Lý, LN, B, có hình đa giác các đỉnh từ 23; 24; 41; 42 (có sơ đồ kèm theo) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị C.

**2. Về chi phí tố tụng:** Ông Hoàng Văn Q phải trả cho ông Vũ Văn M số tiền 14.727.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng.

**3. Về án phí:** Miễn án phí dân sự, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn Q.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện LN;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**Nơi nhận:**

- TAND huyện LN;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện LN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của TANDTC.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Hương Giang**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Minh Hiền**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ**

**Phạm Thị Minh Hiền**